

TỔNG KẾT CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2020

Trong những năm qua công tác cải cách hành chính (CCHC) tại Sở Khoa học và Công nghệ luôn được quan tâm và chỉ đạo sát sao, quyết liệt đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng công chức, viên chức góp phần từng bước nâng cao hiệu quả CCHC của ngành.

Các phòng chuyên môn, đơn vị có sự phối kết hợp với nhau để giải quyết công việc giữa các phòng, đơn vị và bộ phận một cửa từ đó đã nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc, không có hiện tượng công chức, viên chức gây phiền hà, những nhiều khi giải quyết công việc điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch.

Ban Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá các phòng, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ CCHC được giao, đảm bảo tiến độ theo đúng lộ trình CCHC của Chính phủ.

Về cải cách thể chế, nhằm nâng cao chất lượng xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, giai đoạn 2011 - 2020 Sở Khoa học và Công nghệ đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ đáp ứng những đòi hỏi từ thực tiễn của địa phương. Tính đến đầu năm 2020 ngành đã tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành 09 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 01 dự thảo đã trình, 01 văn bản hết hiệu lực, 01 văn bản bị bãi bỏ.

Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong những năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức phổ biến, triển khai và chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các kế hoạch, công văn chỉ đạo của Bộ, ngành, UBND tỉnh trong

công tác cải cách thủ tục hành chính. Các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên được rà soát, đánh giá để từ đó đưa ra những phương án, cách thức đơn giản hóa đối với những thủ tục còn rườm rà, phức tạp.

Từ năm 2011 đến nay Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 148 TTHC. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ hiện nay là 62 thủ tục. Số thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 62/62; số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp/tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN là 0/62 TTHC; số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền là: 11/62 TTHC; số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 là: 30/62 TTHC.

100% TTHC của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian qua đều được giải quyết đúng và trước hạn, mang đến sự hài lòng cho tổ chức và cá nhân đến giao dịch.

Về công tác tổ chức bộ máy thực hiện theo hướng tinh gọn và tinh giản biên chế. Trong giai đoạn 2011 - 2020, Sở KH&CN đã xây dựng đề án và trình UBND tỉnh kiện toàn, thành lập 02 tổ chức đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 16/8/2013) và Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016). Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng phương án tự chủ của 02 đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, được UBND tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 05/02/2018.

Số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Sở KH&CN thực hiện theo quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc của UBND tỉnh hàng năm. Trên cơ sở đó, Sở KH&CN đã chủ động sắp xếp cơ cấu tổ chức, phân bổ chi tiết biên chế công chức, số lượng người làm việc cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc. Chức năng, nhiệm vụ của từng công chức, viên chức được xây dựng cụ thể, rõ ràng theo đề án vị trí việc làm; từ đó đã phát huy được thế mạnh, sở trường của công chức, viên chức góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Từ năm 2015 Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 và đến năm 2018 trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế đã xây dựng, Sở KH&CN xây dựng Đề án điều chỉnh tinh giản biên chế giai đoạn 2018 - 2021. Kết quả: số biên chế công chức giảm 03 người chiếm tỉ lệ 9,09%; số biên chế viên chức giảm 01 người chiếm tỉ lệ 4,34% đạt yêu cầu theo lộ trình tinh giản biên chế đã xây dựng.

Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ 01/2011 đến 03/2020 đã tuyển dụng và tiếp nhận 28 công chức, viên chức. Quá trình tuyển dụng và tiếp nhận công chức, viên chức thực hiện theo quy trình, đúng quy định; từ năm 2015 đến nay quá trình tuyển dụng thực hiện theo hình thức xét tuyển công khai: việc xây dựng kế hoạch, phương án tuyển dụng và kết quả xét tuyển được Sở Nội vụ phê duyệt; bố trí 20 lượt công chức tham gia dự thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện nghiêm túc theo quy định, đúng quy trình, phát huy dân chủ, tổ chức họp xét bỏ phiếu theo đúng

quy định được phân cấp. Từ 2011 đến nay, Sở thực hiện bổ nhiệm và trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm 31 lượt công chức, viên chức làm công tác quản lý đủ điều kiện tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công vụ được giao.

Về công tác cải cách tài chính công, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị. Thực hiện nghiêm các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; các đơn vị thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, thống nhất trong cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan, thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của chế độ thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thực hiện cơ chế tự chủ đối với 02 đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN) theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Việc giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy các đơn vị rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; quản lý chặt chẽ và sử dụng, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp; phát huy tính chủ động, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng nguồn thu sự nghiệp; chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

Về hiện đại hóa hành chính, Sở KH&CN

hiện có 2 máy chủ, tỷ lệ máy tính trên cán bộ, công chức, viên chức là 56 máy đạt 100%, các thiết bị tin học khác phục công tác chuyên môn nghiệp đều đảm bảo. 100% máy tính được cài đặt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDoffice và phần mềm eOffice, có kết nối mạng LAN, mạng Internet. Hệ thống mạng Lan, Internet và máy vi tính cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Sở.

Triển khai ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc tỉnh Điện Biên tại các phòng ban, chuyên môn và liên thông của Sở đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trên môi trường mạng đạt tỷ lệ 100%, góp phần nâng cao hiệu quả, giảm giấy tờ, thời gian; nâng cao trách nhiệm trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị, đồng thời phục vụ tốt hơn các yêu cầu giải quyết công việc, TTHC của công dân, tổ chức. Trang thông tin điện tử của Sở đã phát huy hiệu quả cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP

ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong những năm qua, dưới sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban Giám đốc cùng sự nỗ lực và hoạt động có hiệu quả của đội ngũ công chức, viên chức đã góp phần từng bước nâng cao hiệu quả CCHC của ngành, kết quả đó thể hiện cụ thể ở kết quả đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC hàng năm như sau: Năm 2018 tổng số điểm chỉ số CCHC là 46,48 điểm, đạt 74,97% (công văn số 109/BC-HĐTĐ ngày 23/4/2019); năm 2017 tổng số điểm chỉ số CCHC là 45 điểm, đạt 72,97% (công văn số 144/BC-HĐTĐ ngày 31/5/2018); năm 2016 tổng số điểm chỉ số CCHC là 77,50 điểm.

Bùi Nhung

Sở Khoa học và Công nghệ

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TOÀN QUỐC NĂM 2020

Ngày 28/5/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ toàn quốc năm 2020, Hội nghị được tổ chức tại Hà Nội và kết nối trực tuyến với 63 điểm cầu tại các địa phương trong cả nước, dưới sự điều hành của Bộ trưởng Chu Ngọc Anh, Thứ trưởng Phạm Công Tạc cùng ông Nguyễn Văn Thân - Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Tại điểm cầu tỉnh Điện Biên có sự tham gia của các đồng chí Lãnh đạo Sở, trưởng phó các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở.

Hội nghị tập trung trao đổi, thảo luận triển khai một số giải pháp khoa học và

công nghệ hỗ trợ, phục vụ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quán triệt và tổ chức triển khai Chỉ thị số 01/CT-BKHCN ngày 21/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về nâng cao năng lực khoa học và công nghệ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và đời sống nhân dân trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19.

Hội nghị đã được nghe báo cáo tham luận của các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm:

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nêu được những thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được trong việc thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 về phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, đề xuất những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh trong thời gian tới, những kết quả đạt được, thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện Quyết định 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 về Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đề xuất những giải pháp trong thời gian tới; công tác phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai Đề án 100 và các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng công nghệ;

Cục trưởng Cục sở hữu trí tuệ Đinh Hữu Phí với việc thực hiện chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030; một số vấn đề trọng tâm cần thực hiện ở địa phương. Những vấn đề khó khăn vướng mắc cần tập trung phối hợp để tháo gỡ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm ở địa phương như sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc hữu;

Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ Phạm Hồng Quát với việc triển khai Đề án 844, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa



Điểm cầu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên

Ảnh: Nam Huy

trong hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, triển khai Nghị định 13 về doanh nghiệp KH&CN những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ. Đề xuất một số vấn đề cần ưu tiên phối hợp giữa Bộ với các địa phương để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm đạt hiệu quả cao.

Đại diện các địa phương: Quảng Ninh, Phú Thọ, Thanh Hóa... Tham gia phát biểu cũng đã nêu những biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia các nhiệm vụ KH&CN, hỗ trợ quản lý tài sản và phát triển sản phẩm chủ lực.

Kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh đánh giá cao những kết quả hoạt động KH&CN của cả nước trong thời gian qua. Đồng thời, Bộ trưởng sẽ chỉ đạo rà soát trình Chính phủ xem xét sửa đổi các quy định, các Luật có liên quan do Bộ KH&CN chủ trì nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho hoạt động KH&CN và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KH&CN./.

Nam Huy

Sở Khoa học và Công nghệ

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ GẠO ĐIỆN BIÊN

Được sự hỗ trợ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, dự án “Xây dựng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” cho sản phẩm gạo của tỉnh Điện Biên” đã được thực hiện trong giai đoạn 2009 - 2010 và Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 3340/QĐ-SHTT cấp giấy chứng nhận Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo IR 64 và Bắc thơm số 7 của tỉnh Điện Biên. Theo đó, các khu vực được đăng bạ chỉ dẫn địa lý gồm: 05 xã, phường thuộc thành phố Điện Biên Phủ (Thanh Minh, Nam Thanh, Thanh Trường, Him Lam, Noong Bua); và 10 xã thuộc huyện Điện Biên (Thanh Xương, Thanh An, Noong Hẹt, Sam Mứn, Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Hưng, Thanh Chăn, Thanh Yên, Noong Luông). Nhờ đó, bước đầu đã góp phần thay đổi về nhận thức, nâng cao giá trị thu nhập của người sản xuất và đặc biệt là khả năng nhận biết của sản phẩm đối với người tiêu dùng. Đồng thời tạo được hiệu ứng tích cực trong việc định hướng chính sách, xây dựng đề án, quy hoạch và hỗ trợ cho sản xuất lúa gạo của địa phương như: phát huy thương hiệu (chỉ dẫn địa lý) gạo đặc sản Điện Biên; bảo vệ nghiêm ngặt đất lúa vùng lòng chảo Điện Biên; cơ cấu lại sản xuất lúa vùng cánh đồng Mường Thanh theo hướng cánh đồng mẫu lớn, “cánh đồng liên kết”; quy hoạch vùng trồng lúa chất lượng cao; chính sách khuyến khích đầu tư vào sản xuất; tăng cường liên kết trong quá trình sản xuất, gắn sản xuất với chế biến, mở rộng thị trường và nâng cao



Mẫu logo chỉ dẫn địa lý gạo Điện Biên

giá trị, hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

Do điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu đặc trưng của vùng và kỹ thuật thâm canh đã tạo nên đặc điểm về chất lượng của gạo tại vùng đăng bạ chỉ dẫn địa lý như: thóc IR64 Điện Biên có màu vàng nhạt, độ bóng cao, vỏ mỏng; cơm có mùi thơm nhẹ, vị cơm đậm, mềm và dẻo khi ăn; chỉ tiêu chất lượng: hàm lượng Protein: 7,26 - 8,55%, Amilose: 15,4 - 18,2%, tinh bột: 79,0 - 84,2%. Thóc Bắc thơm số 7 màu vàng óng, tỷ lệ hạt xanh cao, hình dáng nhỏ và thon; gạo hạt nhỏ đều, bóng, màu trắng trong, có ánh xanh, tỷ lệ hạt bị vỡ đầu từ 20 - 30%; cơm có mùi thơm đậm, đặc trưng, vị đậm và dẻo; chỉ tiêu chất lượng: hàm lượng Protein: 7,32 - 9,11%; hàm lượng Amilose: 12,28 - 14,54%; hàm lượng tinh bột: 76,66 - 83,68%. Gạo sau khi nấu chín để

ngươi cơm vẫn dẻo. Trải qua nhiều năm duy trì và phát triển, danh tiếng của gạo Điện Biên từng bước được nâng lên, được người tiêu dùng trên cả nước công nhận ở mức ngon và rất ngon. Sản phẩm đã được người tiêu dùng ưa chuộng và nhiều thị trường trong và ngoài tỉnh biết đến như Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai, các tỉnh đồng bằng Sông Hồng và đặc biệt tại thủ đô Hà Nội. Tiềm năng nhu cầu tiêu thụ còn rất lớn.

Để quản lý và phát triển Chỉ dẫn địa lý gạo Điện Biên. Năm 2016, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” dùng cho sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64 của tỉnh Điện Biên. Trong đó quy định rõ điều kiện, thủ tục, quy trình đánh giá, cấp, thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” và Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho những tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu. Trong quy chế cũng quy định rõ Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có nhiệm vụ kiểm soát chất lượng sản phẩm gạo mang chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì quản lý bên ngoài đối với sản phẩm gạo mang chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”. Theo đó, sản phẩm gạo mang chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” được bảo hộ trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, là sản phẩm gạo đáp ứng được các chỉ tiêu về tính chất, chất lượng đặc thù đã được đăng bạ tại Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00043.

Thứ hai, sản phẩm được kiểm soát theo quy định trong quá trình sản xuất và có khả năng truy xuất nguồn gốc xuất xứ.

Thứ ba, sản phẩm phải được gắn lô gô và tem chỉ dẫn địa lý đáp ứng theo yêu cầu.



Đoàn công tác của Cục Sở hữu trí tuệ kiểm tra dự án “Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Điện Biên cho sản phẩm gạo của tỉnh Điện Biên” tại xã Thanh An, huyện Điện Biên

Ảnh: Hoài Linh

Thứ tư, sản phẩm gạo được sản xuất bởi các tổ chức, cá nhân đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”.

Ngày 04/7/2018, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 482/QĐ-SKHCN về việc ban hành mẫu logo và quy định quản lý, sử dụng logo, bao bì, nhãn cho sản phẩm gạo mang Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”. Theo đó chỉ có tổ chức, cá nhân đã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” mới được sử dụng tên “Điện Biên” để gắn lên bao bì sản phẩm gạo và được sử dụng lô gô của chỉ dẫn địa lý. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh gạo mà chưa được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý thì chỉ được sử dụng chữ “Điện Biên” trong phần xuất xứ hàng hóa của nhãn hàng hóa được quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP (ví dụ: Sản xuất tại Cánh đồng mẫu lớn, HTX Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên). Tổ chức,

cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” cho sản phẩm gạo đưa ra thị trường mà chưa được Sở Khoa học và Công nghệ Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý là vi phạm quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Cho đến thời điểm này, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên mới cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” cho sản phẩm gạo đối với một công ty là Công ty TNHH thực phẩm Safe Green.

Đây là sản phẩm đầu tiên của tỉnh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý nên công tác quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” cho sản phẩm gạo của tỉnh Điện Biên còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Sản phẩm gạo đã được đăng bạ chỉ dẫn địa lý do vùng sản xuất thu hẹp, điều kiện sản xuất thay đổi, chất lượng cây giống không đảm bảo, năng suất, chất lượng không ổn định nên chỉ tiêu chất lượng gạo không đáp ứng các chỉ tiêu đã được đăng bạ chỉ dẫn địa lý. Gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi xin cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”. Mặc dù Sở Khoa học và Công nghệ đã có những hình thức tuyên truyền về chỉ dẫn địa lý thông qua các lớp tập huấn, hội thảo, qua các phương tiện thông tin đại chúng nhưng nhận thức của các tổ chức, cá nhân về vai trò của chỉ dẫn địa lý Điện Biên vẫn còn hạn chế. Các doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Điện Biên còn ít.

Để quản lý và phát triển Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo Điện Biên, UBND tỉnh ban hành văn bản số 2872/UBND-KGVX ngày 21/9/2016 đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ dự án: “Quản lý và Phát triển chỉ dẫn địa lý Điện Biên cho sản phẩm gạo của tỉnh Điện Biên”. Dự án đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2017. Dự án do Trung ương quản lý và đang được triển khai trong

02 năm 2019 - 2020.

Mục tiêu của dự án nhằm xây dựng và vận hành mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý trên thực tế phù hợp với địa phương; xây dựng và ban hành hệ thống các công cụ quản lý, khai thác và phát triển giá trị chỉ dẫn địa lý, hệ thống thương mại hóa sản phẩm, nghiên cứu thị trường, quảng bá, giới thiệu phát triển giá trị quyền và kết nối thị trường, đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng đảm bảo chất lượng sản phẩm gạo mang thương hiệu chỉ dẫn địa lý Điện Biên; xây dựng được hệ thống kiểm soát nguồn gốc và chất lượng cho sản phẩm và triển khai được mô hình liên kết sản xuất, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị được bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo Điện Biên.

Dự án Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Gạo Điện Biên” của tỉnh Điện Biên được thực hiện không những đảm bảo quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm đảm bảo nguồn gốc, chất lượng và đúng giá trị sản phẩm mà còn tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh tế và thu nhập của người sản xuất, HTX, doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm gạo trong vùng chỉ dẫn địa lý Điện Biên, cụ thể:

Đối với người dân sản xuất: khi áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật sản lượng lúa gạo khi đưa ra thị trường sẽ có chất lượng ổn định và đồng đều, tạo uy tín của sản phẩm trên thị trường đối với người tiêu dùng. Ngoài ra, với việc áp dụng sản xuất lúa gạo theo chuỗi giá trị còn giúp cho người dân giảm được chi phí vật tư đầu vào, chi phí vận chuyển, quảng bá,... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

Đối với doanh nghiệp, HTX kinh doanh, tiêu thụ, khi sử dụng sản phẩm gạo mang CDDL Điện Biên, mức độ tin cậy của người tiêu dùng cao hơn đồng nghĩa giá sản phẩm cùng loại cao hơn từ 1.000 - 2.000 đ/kg, với sản lượng hàng năm từ 60.000 - 70.000

tần, lợi nhuận thu được sẽ rất lớn. Đồng thời, dự án hỗ trợ việc mở rộng, tiếp cận thị trường mới sẽ tạo nhiều tiềm năng cho việc kinh doanh của các doanh nghiệp địa phương.

Ngoài ra, dự án được tiếp cận và thực hiện theo mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm sẽ tạo sự công bằng hơn cho người sản xuất, trực tiếp là người dân trong vùng chỉ dẫn địa lý, trên cơ sở phân tích chuỗi giá trị sẽ có những điều chỉnh, chính sách phù hợp để giảm chi phí trung gian cũng như nâng cao thu nhập của người trực tiếp sản xuất. Trên đó, năng suất tăng, chất lượng đảm bảo, hiệu quả kinh tế, giá trị sản phẩm được cải thiện từ mô hình sẽ là cơ sở tốt cho việc mở rộng mô hình tại địa phương và các vùng có điều kiện tương tự, góp phần cho sản xuất bền vững.

Hi vọng rằng, việc triển khai tốt dự án sẽ góp phần nâng cao danh tiếng, uy tín, tăng

khả năng cạnh tranh của sản phẩm gạo đặc sản tỉnh Điện Biên trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường quốc tế. Thiết lập được kênh tiêu thụ sản phẩm ổn định, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm gạo của các hộ trồng lúa trong vùng lòng chảo Điện Biên; khôi phục và phát triển vùng gạo đặc sản, đưa cây lúa trở thành cây nông sản mũi nhọn của tỉnh Điện Biên, góp phần xoá đói, giảm nghèo và giúp nông dân làm giàu trên mảnh đất của mình; bảo vệ môi trường sinh thái. Tạo việc làm tại chỗ, thu hút được nguồn lao động tham gia vào phát triển nông nghiệp tại Điện Biên, nơi vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế về chuyển đổi nghề nghiệp, đồng thời góp phần giảm được các vấn đề xã hội./.

Hoài Linh

Sở Khoa học và Công nghệ

KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA VÀ HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP NĂM 2019 TẠI ĐIỆN BIÊN

Trong năm 2019, tỉnh Điện Biên tập trung chỉ đạo triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa bằng nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, đưa nội dung lên cổng thông tin điện tử của các Sở ngành, thông tin phổ biến trên tập san ngành, phóng sự... Các văn bản được triển khai bao gồm các Luật, Nghị định, Thông tư liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn. Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi rà soát cập nhật các văn bản pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, về tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật nhằm đưa pháp luật vào đời sống; nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Ngoài ra UBND tỉnh cũng ban hành các Kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, triển khai công tác bảo đảm

ATTP trong dịp tết, lễ hội,..

Ngày 28/12/2018 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1272/QĐ-UBND V/v phê duyệt danh mục thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2019; các Sở, chuyên ngành, địa phương đã tổ chức thực hiện việc thanh, kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý, với tổng số lượt cơ sở được kiểm tra là 6.674 cơ sở, trong đó số cơ sở vi phạm là 409 cơ sở, số lượt cơ sở bị xử lý là 360 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 2.552.988.000 đồng.

Về tình hình chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý: hiện nay trên địa bàn tỉnh ít có cơ sở sản xuất và nhập khẩu các loại sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2. Việc quản lý chất lượng chủ yếu diễn ra trong khâu sản xuất, khâu lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng với đầy đủ các sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2; hàng năm trong phạm vi, quyền hạn, nhiệm vụ được giao các ngành, các cấp đều thực hiện các công việc: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở kinh doanh; tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy của cơ sở sản xuất; tổ chức kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2 lưu thông trên thị trường tại các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nội dung kiểm tra gồm: việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định; việc thể hiện dấu hợp quy (CR); kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa với tài liệu kèm theo: nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, hồ sơ chứng nhận chất lượng sản phẩm tương ứng;... Tiến hành lấy mẫu kiểm tra giám định chất lượng khi cần thiết.

Thực hiện trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định, 02 Kế hoạch trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Sở Công thương triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành trong lĩnh vực quản

lý; trên địa bàn tỉnh có 25 đơn vị được cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại 35 địa điểm để khai thác khoáng sản, phá đá thi công công trình thủy điện, giao thông, xây dựng, 01 đơn vị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp; 01 đơn vị được cấp giấy chứng nhận trạm nạp LPG vào chai; 68 cửa hàng bán lẻ xăng dầu được cấp giấy chứng nhận; 84 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Năm 2019 tiếp nhận công bố hợp quy/phù hợp an toàn thực phẩm (ATTP) cho 03 sản phẩm của 01 cơ sở tự công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia; tiếp nhận 31 sản phẩm của 27 cơ sở tự công bố hợp quy/công bố phù hợp ATTP. Tổ chức 02 khóa huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) cho 77 học viên; tổ chức kiểm tra sát hạch kiến thức về ATTP cho 39 học viên. Sở Y tế hàng năm thành lập Hội đồng kiểm tra đánh giá công tác dược nhằm mục đích đánh giá hiệu quả thực hiện quy chế, quy định quản lý nhà nước về thuốc, vật tư, hóa chất, vắc xin, sinh phẩm. Tại các đơn vị trong ngành và các đơn vị kinh doanh thuốc đều có hội đồng kiểm nhận đánh giá chất lượng thuốc trước khi lưu hành và sử dụng, do đó các hàng hóa đều đảm bảo chất lượng. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức doanh nghiệp áp dụng TCVN, mã số mã vạch và thực thi quy định của QCVN; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các tin cảnh báo của các thành viên WTO liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm liên quan gửi đến các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong năm tổ chức 02 cuộc thanh kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại 23 cơ sở; áp dụng hoàn thiện hệ thống phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước

đồng thời giúp cho việc kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Về hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2: hiện nay tỉnh Điện Biên chưa có tổ chức đánh giá sự phù hợp nào được các Bộ chuyên ngành chỉ định; đối với thẩm quyền chỉ định đánh giá sự phù hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương, hiện UBND tỉnh chưa có chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp do địa phương chưa ban hành quy chuẩn địa phương, trên địa bàn tỉnh chỉ có một số tổ chức sự nghiệp công lập hoạt động kiểm định, thử nghiệm trên một số lĩnh vực, như: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên với danh mục các phép thử được công nhận, gồm: thử nghiệm vật liệu gạch bê tông; thử nghiệm gạch bê tông tự chèn; hỗn hợp bê tông và bê tông nặng; cốt liệu bê tông và vữa; thử nghiệm tại hiện trường; phân tích hóa nước cho xây dựng; bê tông nhựa; thử nghiệm gạch terrazzo. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Điện Biên thực hiện kiểm định phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng

sản phẩm hàng hóa, đang xây dựng HTQLCL phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 17025:2005. Trung tâm Đăng kiểm; Trung tâm Y tế dự phòng; Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, dược phẩm, mỹ phẩm.

Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề tồn tại trong công tác quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa: do đặc thù là tỉnh miền núi, nền kinh tế chậm phát triển; đội ngũ làm công tác quản lý chất lượng hiện nay trong một số lĩnh vực chưa được đào tạo chuyên sâu, còn có tình trạng kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nhất là đối với cấp huyện; tình trạng gian lận thương mại về tiêu chuẩn, chất lượng ngày càng tinh vi; nhận thức đánh giá của các cơ sở kinh doanh về công tác quản lý tiêu chuẩn chất lượng chưa tương xứng. Các cơ sở kinh doanh các sản phẩm đồ chơi trẻ em, mũ bảo hiểm, điện thoại phần lớn là cơ sở nhỏ, kinh doanh sản phẩm nhiều chủng loại hàng hóa nhưng với số lượng ít. Do đó, các sản phẩm phần lớn không cùng lô hàng, điều này gây nhiều khó khăn cho công tác lấy mẫu thử nghiệm chất lượng.

Hoàng Hưng

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001 TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2011 – 2020: CHUNG TAY ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày nay, cải cách hành chính (CCHC) là vấn đề mang tính toàn cầu. Các nước đang phát triển và các nước phát triển đều xem CCHC như một động lực mạnh mẽ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển dân chủ và các mặt khác của đời sống xã hội. CCHC là một yêu cầu khách quan của bất kỳ nền hành chính nào. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định

CCHC là một trong 3 khâu đột phá chiến lược để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Nghị quyết 30c). Chương trình Tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định một trong số các trọng tâm cần

được thực hiện là nâng cao chất lượng dịch vụ công, đó là vấn đề được nhà nước và người dân cũng như toàn xã hội quan tâm đặc biệt trong quá trình cải cách hành chính.

Chất lượng dịch vụ công là vấn đề đặc biệt được quan tâm khi chúng ta Hội nhập quốc tế WTO. Khi mà cả thế giới đang quan tâm đến chất lượng dịch vụ công thì việc xây dựng, áp dụng Tiêu chuẩn ISO 9001 là một giải pháp, một xu thế của thế giới. Vì vậy, Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế đó. Hơn nữa, Chính phủ Việt Nam đã khẳng định quyết tâm, mong muốn cung cấp những dịch vụ hành chính công tốt hơn cho người dân và tổ chức bằng việc quy định bắt buộc các cơ quan hành chính nhà nước phải xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của cơ quan mình.

Tại tỉnh Điện Biên, kết quả bước đầu khi triển khai thực hiện dự án “Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của một số cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Điện Biên”, dự án triển khai tại 06 cơ quan nhà nước gồm Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và UBND thành phố Điện Biên Phủ đã tạo tiền đề và điều kiện cho việc triển khai ra diện rộng việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn sau dự án. UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định triển khai thực hiện áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh như: Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc Ban hành kế hoạch triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2011 về việc ban hành kế hoạch triển khai áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO

9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011 – 2013; Kế hoạch số 2822/KH-UBND, ngày 03/8/2015 về việc Xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 1129/KH-UBND, ngày 07/5/2018 Kế hoạch chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018 – 2020.

Việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2020 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng phải xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: đạt 100 % các cơ quan, đơn vị (Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 19; UBND cấp huyện: 10 UBND; Chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 14).

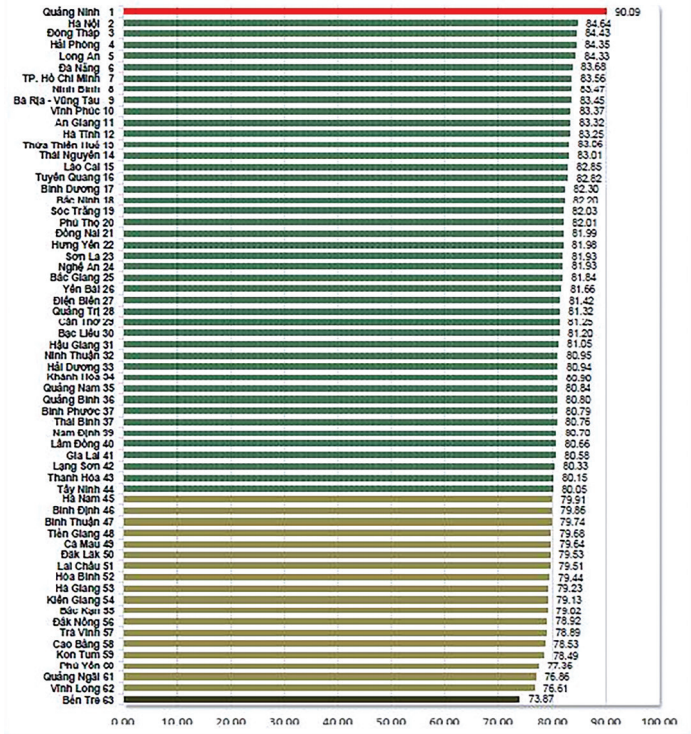
Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng khuyến khích xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: thực hiện vận động, khuyến khích các đối tượng thuộc diện khuyến khích áp dụng là UBND cấp xã, phường tiến hành xây dựng áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn ISO trong hoạt động đặc biệt là các quá trình cung cấp dịch vụ hành chính công chủ yếu cho cá nhân, tổ chức, góp phần nâng cao điểm chỉ số CCHC của tỉnh. UBND xã, phường, thị trấn: đến nay trên địa bàn tỉnh có 107/129 UBND xã áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (đạt 83%); dự kiến năm 2020, triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với UBND các xã còn lại đảm

bảo hoàn thành mục tiêu 100% UBND cấp xã thực hiện xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn ISO 9001.

Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm 03 đơn vị: Chi cục Bảo vệ thực vật; Chi cục Thú y; Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên đã hoàn thành xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo kế hoạch của UBND tỉnh.

Những thành tựu trên đã góp phần nâng cao vị trí xếp hạng chỉ số Par Index của tỉnh Điện Biên qua từng năm. Năm 2018, tỉnh Điện Biên xếp vị trí thứ 28 trong bảng xếp hạng. Ngày 19/5, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 (PAR index 2019) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó tỉnh Điện Biên xếp vị trí 27/63 tỉnh thành.

Trong quá trình triển khai áp dụng TCVN ISO 9001 có những thuận lợi đó là các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 được ban hành một cách đầy đủ, đồng bộ từ Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh trong việc ban hành các kế hoạch, quyết định triển khai. Bên cạnh đó còn những khó khăn, tồn tại trong hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại các cơ quan đơn vị như: Phần lớn các cơ quan, đơn vị không xây dựng dự toán, không bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 theo quy định của Thông tư số 116/2015/TT-BTC. Nhân sự cho công tác tham mưu, tổ chức thực hiện và theo dõi, kiểm soát HTQLCL của từng cơ quan hành chính có sự thay đổi, luân chuyển trong quá trình công tác nhưng chưa



Bảng xếp hạng chỉ số Par index 2019 của các tỉnh

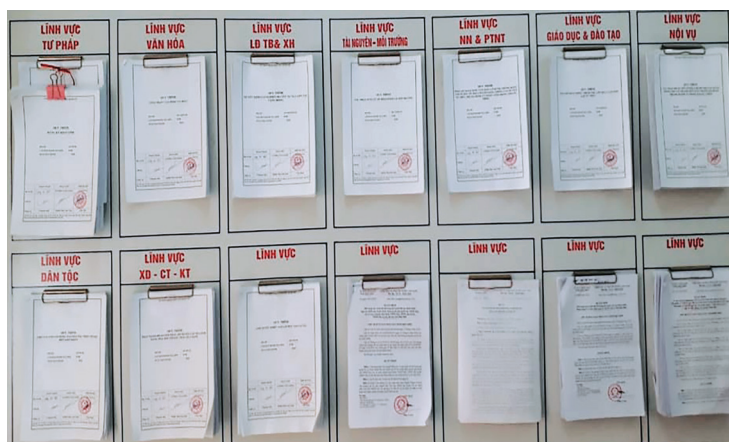
có sự đào tạo thích hợp kịp thời. Đa số các đơn vị chưa bố trí kinh phí cho hoạt động duy trì, cải tiến HTQLCL.

Đánh giá về hiệu quả áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 trên địa bàn toàn tỉnh có thể thấy rằng việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001 tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện đồng bộ với các nội dung của CCHC gắn kết với việc thực hiện quy chế 1 cửa, kiểm soát thủ tục hành chính kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc đã đem lại những hiệu quả khả quan, giúp cán bộ, công chức triển khai công việc và quản lý hồ sơ công việc một cách khoa học, rút ngắn thời gian xử lý các văn bản, giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, đúng thời gian. Từng bước cải tiến phương thức làm việc, giảm tác động tiêu cực khi giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân. Bên cạnh đó, việc xây dựng và thực hiện các quy trình tác nghiệp

giúp cho thủ trưởng cơ quan và cán bộ nắm vững hơn nội dung, yêu cầu và cách thức xem xét, xử lý công việc theo quá trình, xác định ranh giới trách nhiệm trong nội bộ cơ quan và giữa cơ quan với đơn vị bên ngoài, đảm bảo thực thi công vụ và xử lý công việc theo đúng quy định của pháp luật. Qua đó, giúp đơn vị rà soát, đánh giá và xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận và trách nhiệm cụ thể của từng cán bộ trong cơ quan.

Việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001 còn là phương pháp để giám sát trên thực tế việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. HTQLCL là một trong những công cụ hỗ trợ đáng kể cho việc công khai, minh bạch, cụ thể hóa quy trình, thủ tục giải quyết công việc theo yêu cầu của tổ chức và công dân. Hồ sơ công việc của các đơn vị được tổ chức thu thập, sắp xếp và lưu trữ khoa học. Hiệu quả của công tác quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính công được nâng cao rõ rệt, từng bước tạo được lòng tin và sự hài lòng của người dân khi tới làm việc tại các đơn vị hành chính.

Từ những kết quả đạt được trong giai đoạn 2011 – 2020, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn tới cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để 100% cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị có liên quan đến HTQLCL hiểu rõ ý nghĩa, vai trò của việc áp dụng HTQLCL. Thực hiện cập nhật, kiểm soát phạm vi áp dụng của HTQLCL đảm bảo toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan được vận hành trong hệ thống và thực hiện công bố phù hợp; cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL kịp thời theo quy định; thực hiện hoạt động đánh giá nội bộ và



Quy trình ISO giải quyết TTHC niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Quài Tả.

Ảnh: Hoàng Châu

xem xét của lãnh đạo về HTQLCL đảm bảo yêu cầu. Tỉnh ủy, UBND, Ban chỉ đạo CCHC, Cơ quan thường trực không ngừng tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, các cơ quan hàng năm trong công tác xây dựng, áp dụng HTQLCL. Bên cạnh đó là vai trò của các khóa đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng, áp dụng HTQLCL cho các cơ quan, nghiên cứu tham mưu là rất cần thiết. Cần áp dụng các hình thức đào tạo mới nhằm trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan/đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho giai đoạn duy trì, cải tiến. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin với việc vận hành HTQLCL trong hoạt động quản lý điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. Việc thực hiện mạnh mẽ và đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên góp phần xây dựng được một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Hoàng Châu

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

“NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIỐNG LÚA NẾP CẨM ĐH6 NGẮN NGÀY, CHẤT LƯỢNG CAO THÍCH ỨNG ĐƯỢC 2 VỤ TRONG NĂM CHO TỈNH ĐIỆN BIÊN”

I. Thông tin chung đề tài

Tên đề tài: “Nghiên cứu phát triển giống lúa nếp cẩm ĐH6 ngắn ngày, chất lượng cao thích ứng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên”.

Chủ nhiệm đề tài: Thạc sỹ Nguyễn Xuân Toán.

Cơ quan chủ quản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên.

Cơ quan chủ trì: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên.

Thời gian thực hiện: 24 tháng (tháng 6/2018 - tháng 5/2020).

Kinh phí thực hiện: 405.303.000 đồng

II. Đặt vấn đề:

Lúa gạo hiện nay là cây trồng quan trọng của nhiều quốc gia, không những đảm bảo cung cấp lương thực chính mà còn là nguồn hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Lúa gạo được gieo trồng trên 120 nước trên thế giới. Bên cạnh những thành tựu về nghiên cứu các giống lúa để phục vụ nhu cầu hàng ngày của con người, thì hướng chọn tạo và sử dụng nguồn gen lúa nếp cũng được nhiều nhà khoa học quan tâm.

Ở Việt Nam, lúa nếp được trồng chủ yếu ở miền núi nơi sinh sống của dân tộc Mường, Thái..., nguồn lương thực chính của những



Thạc sỹ Nguyễn Xuân Toán chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu phát triển giống lúa nếp cẩm ĐH6 ngắn ngày, chất lượng cao thích ứng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên” tại hội đồng khoa học và công nghệ.

Ảnh: Bảo Lộc

dân tộc này là lúa nếp. Nếp cẩm hay nếp than, chúng được tạo nên từ nhiều giống lúa nếp khác nhau và được trồng chủ yếu ở vùng núi Tây Bắc như: Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, rải rác ở các vùng khác như: Thanh Hóa, Phú Thọ, Ninh Bình và vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 2 tỉnh Long An và Cần Thơ. Trong nếp cẩm có chứa khoảng 70% tinh bột, với hàm lượng chất khoáng ấn tượng: Đồng 24ppm, Kẽm 23,6ppm, Sắt 16,2ppm... Yếu tố quan trọng nhất và tạo nên thương hiệu cho nếp cẩm bởi giá trị dinh dưỡng của nó. Trong gạo cẩm chứa nhiều axit amin mà đặc biệt trong vỏ nếp cẩm được các nhà khoa học Mỹ chứng minh có chứa lượng lớn anthocyanin có khả năng chống oxy hoá,

chống viêm nhiễm hạn chế sự phát triển của tế bào ung thư. Ngoài ra, ăn gạo nếp cẩm kết hợp với một số thức ăn như rau xanh, hoa quả, thịt nạc sẽ có thể tăng sự hấp thu sắt cho cơ thể. Tại Điện Biên nếp cẩm thường được trồng hoàn toàn tự nhiên trên nương, ít có sự tác động của các biện pháp chăm sóc, kỹ thuật. Do đó, năng suất và sản lượng thường thấp.

Giống nếp cẩm ĐH6 được Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) sưu tầm chọn lọc và phục tráng từ giống nếp cẩm Cẩm Pẹ ở Thanh Hóa từ năm 2009. Đây là giống nếp cẩm thích hợp gieo trồng trên đất ruộng, do vậy rất thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh để tăng năng suất, sản lượng, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người dân trồng nếp cẩm. Vì vậy trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên đã tiến hành đề tài “Nghiên cứu phát triển giống lúa nếp cẩm ĐH6 ngắn ngày, chất lượng cao thích ứng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên”.

III. Mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu phát triển diện tích gieo cấy nếp cẩm ĐH6 năng suất, chất lượng cao, gieo trồng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu và xây dựng được quy trình thâm canh giống nếp cẩm ĐH6 phù hợp với vùng lòng chảo Điện Biên.

- Xây dựng 01 mô hình sản xuất thử nghiệm giống nếp cẩm ĐH6 (quy mô 01 ha, năng suất dự kiến 05 - 06 tấn/ha).

- Chuyển giao các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đạt năng suất cao cho cán bộ và nông dân địa phương. (Tổ chức 01 lớp tập

huấn chuyển giao kỹ thuật 30 người/lớp; tổ chức 01 hội nghị đầu bờ 30 người/hội nghị).

- Phục vụ hoạt động đào tạo, thực hành thực tập cho học sinh, sinh viên ngành Khoa học cây trồng và ngành Trồng trọt, đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên.

2. Nội dung

- Điều tra hiện trạng sản xuất giống lúa nếp vùng lòng chảo Điện Biên: Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến cây lúa, xây dựng phiếu và tổ chức điều tra.

- Nghiên cứu và xây dựng quy trình thâm canh giống lúa nếp cẩm ĐH6 cho vùng lòng chảo Điện Biên: Xác định ảnh hưởng của mùa vụ đến năng suất giống lúa nếp cẩm ĐH6. Xác định liều lượng bón đạm ure cho năng suất cao đối với giống lúa nếp cẩm ĐH6. Xác định lượng giống gieo sạ phù hợp của giống nếp cẩm ĐH6. Xây dựng quy trình thâm canh giống lúa nếp cẩm ĐH6.

- Chuyển giao các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đạt năng suất cao cho cán bộ và nông dân địa phương: tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật cho nông dân vùng sản xuất. Tổ chức hội thảo khoa học và hội nghị đầu bờ về kết quả thử nghiệm sản xuất giống lúa nếp cẩm ĐH6. Xây dựng mô hình trình diễn.

3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu:

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Giống lúa nếp cẩm ĐH6

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

* Phạm vi về nội dung:

- Điều tra hiện trạng sản xuất giống lúa nếp vùng lòng chảo Điện Biên trong 3 năm gần nhất với các nội dung như: mức độ đầu tư thâm canh, kỹ thuật canh tác, sâu bệnh

hại và các biện pháp bảo vệ thực vật; những khó khăn trong quá trình canh tác lúa nếp của người dân.

- Nghiên cứu và xây dựng quy trình thâm canh giống lúa nếp cẩm ĐH6 cho vùng lòng chảo Điện Biên. Địa điểm tại Trại Thí nghiệm - Thực hành, trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên trong thời gian vụ mùa 2018 và đông xuân 2019.

- Chuyển giao các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đạt năng suất cao cho cán bộ và nông dân địa phương, đầu vụ mùa 2019.

** Phạm vi về không gian:*

- Trại Thí nghiệm -Thực hành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên.

- Bản Che Phai, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ.

- Đội 6a, 6b, 10b, 8c xã Thanh Luông, huyện Điện Biên.

- Đội 6, 9, 12, 14 xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên.

- Đội 21, 1a, 1b xã Noong Luông, huyện Điện Biên.

4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp kế thừa để điều tra thu thập các số liệu thứ cấp về diện tích, đất đai, khí hậu thời tiết, mùa vụ ở các đơn vị chức năng trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên. Lập phiếu điều tra ghi nhận những thông tin trong quá trình phỏng vấn. Sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn, đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân để phỏng vấn và thu thập các thông tin liên quan đến chủng loại giống, mùa vụ, kỹ thuật canh tác, mức độ thâm canh trong sản xuất, năng suất, hiệu quả, ... Phân tích số liệu điều tra theo phương pháp thống kê trên phần mềm MS Excel...

IV. Kết quả thực hiện

Đề tài đã tiến hành điều tra hiện trạng sản xuất giống lúa nếp của 200 hộ nông dân thuộc xã Thanh Chăn, Thanh Luông, Noong Luông - huyện Điện Biên, phường Thanh Trường - thành phố Điện Biên Phủ. Tổng diện tích điều tra 511.161 m², trong đó diện tích trồng lúa nếp là 119.673 m² (chiếm 23,4%) đối với vụ đông xuân; 112.973 m² (chiếm 22,1%) đối với vụ mùa. Các giống lúa nếp được trồng phổ biến là nếp 97, nếp 352, chủ yếu để phục vụ nhu cầu trong gia đình, ít bán ra thị trường, do tâm lý người dân không thích ăn nếp ruộng. Trong số 200 hộ điều tra, chưa có hộ nào từng trồng giống lúa nếp cẩm ĐH6. Năng suất bình quân của các giống lúa nếp tại vụ đông xuân dao động từ: 61,8 - 62,9 tạ/ha, trong vụ mùa dao động từ 57,5 - 59,4 tạ/ha. Năng suất bình quân của các giống lúa nếp trong vụ đông xuân dao động từ 54,8 - 55 tạ/ha, trong vụ mùa từ 51,5 - 52,8 tạ/ha. Các hộ điều tra đều có trình độ thâm canh cao, phân bón được sử dụng đúng kỹ thuật theo nhu cầu của từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa. Các hộ dân chủ yếu sử dụng phân NPK tổng hợp để bón với lượng 25 kg/1.000m²/vụ; các loại phân đơn như đạm, kali được sử dụng bón bổ sung; có 41% số hộ sử dụng phân chuồng hoai mục để bón lót, lượng bón dao động 200 - 2000 kg/1.000m². Quy trình kỹ thuật trồng lúa nếp được sử dụng trong nông dân không có nhiều khác biệt so với các giống lúa nếp khác. Thành phần sâu bệnh hại trên lúa nếp tương tự như trên lúa nếp, nhưng mức độ gây hại thấp hơn do các giống lúa nếp được trồng với diện tích nhỏ lẻ, không tập trung.

Trong vụ mùa 2018, đề tài đã tiến hành thí nghiệm xác định ảnh hưởng của thời vụ, xác định ảnh hưởng của liều lượng bón đạm ure và lượng giống gieo sạ phù hợp đối với giống nếp cẩm ĐH6. Qua theo dõi, đánh giá



Giống lúa nếp cẩm DH6

các chỉ tiêu của các thí nghiệm trên giống lúa nếp cẩm DH6 tại Trại Thí nghiệm - Thực hành, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên cho thấy:

+ Thí nghiệm về thời vụ: giống nếp cẩm DH6 trong vụ mùa thích hợp gieo cấy vào trà sớm (cho năng suất 6,1 tấn/ha) và trà chính vụ (cho năng suất 5,9 tấn/ha). Trà muộn bị ruồi đục lá gây hại rất nặng ngay từ giai đoạn mạ (100% số cây), không có khả năng phục hồi.

+ Thí nghiệm về liều lượng đạm ure đối với năng suất và sinh trưởng của giống lúa nếp cẩm DH6: lượng bón 230 kg đạm ure/1ha cho năng suất cao nhất (5,7 tấn/ha), tỷ lệ sâu bệnh gây hại thấp nhất. Lượng bón 270kg đạm ure/1ha cho năng suất thấp nhất (5,1 tấn/ha), bị sâu, bệnh gây hại nặng nhất.

+ Thí nghiệm về lượng giống gieo sạ: năng suất lúa và các yếu tố cấu thành năng suất ở công thức gieo sạ 70kg/ha, đạt cao

nhất 5,5 tấn/ha. Hai công thức 80 kg/ha và 90 kg/ha đều cho năng suất 5,3 tấn/ha.

Trong vụ đông xuân 2018 - 2019 đề tài tiếp tục tiến hành thí nghiệm xác định ảnh hưởng của thời vụ, xác định ảnh hưởng của liều lượng bón đạm ure và lượng giống gieo sạ phù hợp đối với giống nếp cẩm DH6. Kết quả thí nghiệm theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu của các thí nghiệm trên giống lúa nếp cẩm DH6:

+ Thí nghiệm thời vụ: giống nếp cẩm DH6 thích hợp gieo cấy vào trà sớm (cho năng suất 6,2 tấn/ha) và trà chính vụ (cho năng suất 6,1 tấn/ha). Trà muộn bị ruồi đục lá gây hại rất nặng ngay từ giai đoạn mạ, ảnh hưởng lớn đến năng suất cuối vụ (năng suất đạt thấp nhất 4,2 tấn/ha).

+ Thí nghiệm về liều lượng đạm ure đối với năng suất và sinh trưởng của giống lúa nếp cẩm DH6: lượng bón 230 kg đạm ure/1ha cho năng suất cao nhất (6,3 tấn/ha), tỷ lệ sâu bệnh gây hại thấp nhất. Lượng bón

270 kg đạm ure/1ha cho năng suất thấp nhất (5,6 tấn/ha), bị sâu, bệnh gây hại nặng nhất.

+ Thí nghiệm về lượng giống gieo sạ: năng suất lúa và các yếu tố cấu thành năng suất ở công thức gieo sạ 70 kg/ha, đạt cao nhất đạt 6,1 tấn/ha. Hai công thức 80 kg/ha và 90 kg/ha lần lượt cho năng suất 5,7 tấn/ha và 5,3 tấn/ha.

Sau khi kết thúc các thí nghiệm ở vụ mùa 2018 và vụ đông xuân 2018 - 2019, đề tài đã triển khai mô hình trình diễn 01 ha vụ mùa 2019 năng suất đạt 5,84 tấn/ha. Trong đó: mô hình tại Trại Thí nghiệm - Thực hành thuộc trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên quy mô 0,7 ha, năng suất đạt 6,01 tấn/ha. Mô hình tại đội 6 xã Thanh Luông, huyện Điện Biên quy mô 0,3 ha năng suất đạt 5,67 tấn/ha.

Qua các thí nghiệm cho thấy giống lúa nếp cẩm ĐH6 có khả năng sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện thời tiết khí hậu tại Điện Biên, thích hợp nhất trên loại đất cao và trung bình, gieo trồng được 2 vụ/năm trên ruộng. Giống có khả năng đẻ nhánh tốt, cứng cây, ít sâu bệnh, các điều kiện chăm sóc tương tự như các giống lúa thuần khác được trồng phổ biến tại địa phương. Năng suất vụ mùa đạt trung bình 5,6 tấn/ha, vụ đông xuân đạt trung bình 6,2 tấn/ha. Đặc biệt gạo nếp cẩm rất được thị trường ưa chuộng, do đó giá thóc bán ra cao hơn các giống lúa khác cùng thời điểm, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho nông dân.

Hoàn thiện quy trình thâm canh giống lúa nếp cẩm ĐH6 cho vùng lòng chảo Điện Biên. Quy trình kỹ thuật đã nêu được những bước cơ bản về các khâu thời vụ, làm đất, chuẩn bị và xử lý hạt giống trước khi gieo



Thạc sỹ Nguyễn Xuân Toán chủ trì buổi Hội thảo “Nghiên cứu phát triển giống lúa nếp cẩm ĐH6 ngắn ngày, chất lượng cao thích ứng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên” tại trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên.

Ảnh: Minh Quang

cho vụ mùa - vụ đông xuân, lượng phân bón và cách bón, phương pháp gieo, điều tiết nước - tưới dặm, phương pháp phòng trừ cỏ dại và sâu bệnh.

Đề tài đã tổ chức 01 lớp tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật cho 30 người dân vào đầu vụ mùa 2019. Đã tổ chức 01 hội thảo khoa học và 01 hội nghị đầu bờ về kết quả thử nghiệm sản xuất giống lúa nếp cẩm ĐH6. Chương trình của hội nghị đầu bờ, tập huấn và hội thảo tập trung vào các nội dung cơ bản về đặc điểm nông sinh học của giống nếp cẩm ĐH6; tính thích nghi, thích ứng, diễn biến sâu bệnh, dịch hại và phương pháp phòng trừ; kỹ thuật thâm canh và hiệu quả kinh tế của giống.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh nghiệm thu và đánh giá xếp loại “Đạt”./.

Minh Quang (Biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHCN

THỨC ĐẨY DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 (sau đây gọi là Chương trình Nông thôn miền núi) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015, các dự án thuộc Chương trình đã tập trung giải quyết 03 vấn đề chính là chuyển giao và tiếp nhận công nghệ; đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân; ứng dụng các công nghệ vào thực tế thông qua các mô hình ứng dụng nhằm đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở, người dân làm chủ và phát triển các công nghệ tiên tiến thích hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó khuyến khích, ưu tiên các dự án có sự liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, người dân và doanh nghiệp là nòng cốt.

Trong thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt thực hiện 05 dự án thuộc Chương trình. Kết quả thực hiện các dự án đã góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho bà con vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Có thể kể đến như:

Công ty TNHH Sơn Hạnh phối hợp với Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng vật



*Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án “Ứng dụng công nghệ nuôi cá Hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) trong bể xi măng tại xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên”*

Ảnh: Thảo Nhi

nuôi triển khai dự án “Ứng dụng công nghệ nuôi cá Hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) trong bể xi măng tại xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên”. Dự án xây dựng 02 mô hình: Ương cá từ cỡ cá bột (0,1 - 0,2 g/con) lên cỡ cá giống 3 - 5g/con quy mô 2 bể thể tích nước 5m³/bể với số lượng thả 20.000 con, sản lượng cá 12.000 con; nuôi thương phẩm cá Hồi vân quy mô 8 bể với tổng dung tích 347m³. Sau 2 năm triển khai thực hiện, sản lượng cá (tính đến 12/2019) đạt 3,82 tấn, trọng lượng khoảng 1 kg/con. Đào tạo 6 kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn cho 45 lượt người dân có kỹ năng thực hiện các khâu kỹ thuật tại xã Tênh Phong huyện Tuần Giáo và xã Pa Thơm huyện Điện Biên.

Doanh nghiệp Tư nhân Luyện Thủy tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện Dự án “Ứng

dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình ương cá giống và nuôi cá Trắm đen thương phẩm trong ao trên địa bàn tỉnh Điện Biên”. Dự án xây dựng 02 mô hình: Ương cá Trắm đen giai đoạn giống cấp 1 lên kích cỡ 300 gram/con với quy mô 1,2ha; nuôi thương phẩm cá Trắm đen trong ao với quy mô 02 ha. Tính đến tháng 6/2020 năng suất đạt 13,5 tấn/ha, cỡ cá thương phẩm 3,0 - 3,5 kg/con. Đào tạo 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 lượt nông dân về các kỹ năng thực hành nuôi tại xã Noong Luông và xã Mường Phăng, huyện Điện Biên.

Ngoài ra, còn một số dự án mới được triển khai thực hiện và bước đầu đạt được những kết quả nhất định như: Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Bống (*Spinibarbus denticulatus*) và cá Chép V1 (*Cyprinus*) trong lồng theo chuỗi giá trị tại hồ Pá Khoang tỉnh Điện Biên” do Hợp tác xã Thủy sản Mường Phăng Điện Biên thực hiện; Dự án “Xây dựng mô hình canh tác tổng hợp Cà phê chè trên

đất dốc vùng Điện Biên” do Công ty TNHH Hải Anh Điện Biên chủ trì; Dự án “Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn ngoại (lợn nái Yorkshire, Landrace) quy mô trang trại đảm bảo an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Điện Biên” do Công ty TNHH Bảo Tú Điện Biên thực hiện.

Thông qua Chương trình, nhiều tiến bộ khoa học công nghệ trong chăn nuôi, trồng trọt... đã đến được với bà con nông dân, các doanh nghiệp được tiếp cận và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học. Trong thời gian tới, tỉnh Điện Biên sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ KH&CN vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh. Đặc biệt là khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ nhằm huy động nguồn lực tài chính phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững tỉnh nhà./.

Thảo Nhi (Tổng hợp)

Sở Khoa học và Công nghệ

TẬP HUẤN ĐIỀU TRA THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020

Ngày 9/6/2020, tại Cục Thông tin KHCN quốc gia tổ chức lớp tập huấn Điều tra thống kê khoa học và công nghệ năm 2020 và nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về KHCN. Tham dự lớp tập huấn có đồng chí Trần Đắc Hiến - Cục trưởng Cục Thông tin KHCN quốc gia cùng đại biểu các Bộ, ngành, Sở KHCN khu vực phía Bắc tham dự lớp tập huấn.

Lớp tập huấn được tổ chức nhằm mục đích hướng dẫn các cán bộ làm công tác thống kê KH&CN của các Bộ, ngành và địa phương (Sở KH&CN) thực hiện thu thập

chính xác thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế để phục vụ việc đánh giá, xây dựng chính sách chiến lược khoa học và công nghệ. Số liệu của cuộc Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NC&PT) phục vụ việc đánh giá thực trạng, phân tích xu hướng thay đổi, xây dựng kế hoạch, chiến lược về NC&PT trên phạm vi cả nước, theo các Bộ, ngành cũng như các địa phương; đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về phát triển KH&CN, Luật Khoa học và Công nghệ, các kế hoạch, chương trình về NC&PT và phục vụ so sánh quốc tế về các chỉ tiêu thống kê NC&PT

và xây dựng cơ sở dữ liệu về NC&PT của Việt Nam phục vụ các phân tích chuyên sâu và làm tiền đề cho các cuộc điều tra của các năm tiếp theo.

Điều tra hội nhập quốc tế được thực hiện 5 năm 1 lần để thu thập thông tin về mức độ hội nhập quốc tế về KH&CN; xác định năng lực của cộng đồng KH&CN Việt Nam tham gia các hoạt động KH&CN quốc tế; xác định mức độ tác động của KH&CN quốc tế đối với Việt Nam....

Trong đó, đối tượng của 02 cuộc điều tra là các tổ chức khoa học và công nghệ; các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT; các Hội có hoạt động NC&PT; các doanh nghiệp có hoạt động NC&PT và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng không thuộc đối tượng của cuộc điều tra này. Đây là cuộc điều tra được áp dụng trên phạm vi cả nước theo quyết định số 1154/QĐ-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ KH&CN về Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2020 và quyết định số 1155/QĐ-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ KH&CN về Điều tra hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ năm 2020. Thời gian bắt đầu thực hiện điều tra từ 01/7/2020 và kết thúc vào 31/7/2020. Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số thực tế có tại ngày 31/12/2019 và những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019.



Đồng chí Trần Đắc Hiến - Cục trưởng Cục Thông tin KH&CN quốc gia phát biểu khai mạc lớp tập huấn.

Ảnh: Bùi Thảo

Cũng tại lớp tập huấn, ngoài hai nội dung liên quan đến Điều tra Thống kê KH&CN năm 2020, các đại biểu tham dự được chia sẻ thêm về hai nội dung thông tin liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng mạng VinaRen thông qua hai tài khoản mà Cục Thông tin đã cấp cho các đầu mối thông tin của các Bộ, ngành, địa phương từ tháng 3/2019 đến nay. Một tài khoản là để truy cập các cơ sở dữ liệu nhiệm vụ KH&CN để xem nội dung toàn văn kết quả của 35 nghìn nhiệm vụ KH&CN đang được lưu trữ tại Cục thông tin KH&CN Quốc gia. Tài khoản thứ hai là tài khoản dành cho việc đóng góp dữ liệu khoa học công nghệ của địa phương để Cục Thông tin biên tập và đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

Bùi Thảo

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KH&CN

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Ngày 25/5/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 696/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Kế hoạch được ban hành với 06 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền:

Các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nội dung Kết luận số 50-KL/TW trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội; làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong Nghị quyết 20.

Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ:

Các bộ, ngành, địa phương rà soát quy

định pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của ngành, địa phương đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu chủ yếu của hệ thống khoa học quốc gia. Hoàn thiện cơ chế nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, đãi ngộ, trọng dụng phù hợp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ:

Tiếp tục thực hiện phương án tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia; quan tâm đúng mức nghiên cứu cơ bản; tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ cốt lõi theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ, cập nhật, gắn kết với hệ

thông tin, thông kê kinh tế - xã hội, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Đề xuất cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả các khu công nghệ cao. Tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ trong công nghiệp và thương mại, ưu tiên các ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, lĩnh vực ưu tiên có tiềm năng và thế mạnh của Việt Nam trong quá trình thực hiện các FTAs. Triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ:

Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý được giao, có trách nhiệm quan tâm đầu tư để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và chính sách thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Xây dựng và triển khai chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh. Xây dựng các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học phù hợp thông lệ quốc tế.

Tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ và hệ sinh

thái khởi nghiệp sáng tạo:

Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý được giao, có trách nhiệm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan: đề xuất chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường khoa học và công nghệ với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương tạo thành mạng lưới thông nhất, toàn diện để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Tiếp tục hỗ trợ phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phù hợp trong tình hình mới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ:

Các bộ, ngành trong phạm vi quản lý được giao, có trách nhiệm đa dạng hóa đối tác và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên; chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế.

Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức thực hiện tốt các hiệp định về KH&CN và đổi mới sáng tạo đã ký,

đồng thời ký kết và triển khai các hiệp định, thỏa thuận hợp tác mới theo hướng mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác KHCN với các đối tác, đặc biệt là các nước đối tác chiến lược, các đối tác quan trọng có trình độ KHCN tiên tiến, sở hữu công nghệ nguồn; hỗ trợ giao lưu, trao đổi học thuật về KHCN tầm khu vực

và quốc tế. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trung Kiên (Biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN

MỘT SỐ TRIỆU CHỨNG THIẾU DINH DƯỠNG TRÊN CÂY NGÔ

Mỗi nguyên tố dinh dưỡng có một vai trò nhất định, nhưng chúng chỉ phát huy tốt vai trò của mình với đời sống cây trồng khi chiếm một hàm lượng nhất định, phù hợp với từng loại cây. Còn khi quá thừa, hay quá thiếu, chúng thường gây rối loạn sinh trưởng của cây và có những biểu hiện đặc trưng. Bài viết này xin giới thiệu những biểu hiện khi cây ngô thiếu hụt một số nguyên tố dinh dưỡng. Từ đó có sự điều chỉnh việc cung cấp dinh dưỡng cho cây trong quá trình canh tác.

Triệu chứng thiếu đạm (N)

Cây ngô rất dễ biểu hiện triệu chứng khi thiếu đạm, ngay cả trong điều kiện thiếu đạm rất ít. Thiếu đạm thường làm cho cây bị lùn, thân yếu ớt, lá có màu xanh tái đến màu vàng. Cây thiếu đạm thường tạo ra cờ ngắn và nhỏ, kích cỡ hạt nhỏ và cuối cùng năng suất giảm. Triệu chứng thiếu đạm thường xuất hiện đầu tiên ở lá già sau đó mới đến lá non. Lá thiếu đạm thường xuất hiện màu vàng ở đầu ngọn lá, dạng hình chữ V. Thiếu đạm trên ngô thường xuất hiện trong điều kiện đất ít chất hữu cơ, hoặc trong điều kiện đất cát có lượng mưa lớn, hoặc cũng có thể do đất ngập nước pH dưới 6,0 hoặc trên 8,9 cũng gây ra hiện tượng thiếu đạm.

Khắc phục tình trạng thiếu đạm: Bón phân hữu cơ hoặc phân chuồng, sử dụng

phân có hàm lượng đạm cao như phân bón SA (Ammonium Sulphate) và ure để bón thúc cho cây ngô, để cây phục hồi nhanh có thể phun ure (2%) cho ngô, 15 ngày phun một lần.

Triệu chứng thiếu lân (P)

Cây ngô thiếu lân sẽ biểu hiện còi cọc, thân mỏng, lá có màu xanh tối. Số lượng và kích thước khí khổng trên lá giảm đáng kể. Tốc độ ra rễ giảm, số lượng hạt trên trái ít, năng suất hạt thu hoạch giảm đáng kể. Thiếu lân thường xuất hiện trên lá già, sau đó mới di chuyển đến lá non. Khi lá già biểu hiện thiếu lân thì lá non vẫn bình thường. Lá cây ngô thiếu lân thường có màu tím hoặc đỏ tím, thường xuất hiện đầu tiên trên mép lá già. Trong điều kiện thiếu lân nặng, màu tím có thể phủ toàn bộ cây. Sau một thời gian, lá sẽ bị cháy và chết.

Khắc phục tình trạng thiếu lân: Bón phân lân như super lân (Văn Điển hoặc Long Thành), hoặc phân vi sinh phân giải lân, trong trường hợp cây biểu hiện nặng sử dụng phân MAP và MKP để phun lên lá hoặc hòa nước tưới.

Triệu chứng thiếu kali (K)

Cây ngô thiếu kali có thể làm ngắn đốt và gây ra hiện tượng lùn cây, màu xanh của lá thường bị giảm đáng kể. Cây thiếu kali



Cây ngô thiếu đạm
Maize-Nitrogen deficiency

Cây ngô thiếu lân
Maize-Phosphorus deficiency

Cây ngô thiếu kali
Maize-Potassium deficiency

Biểu hiện thiếu dinh dưỡng trên cây ngô

bấp thường nhỏ và ngọn không phát triển. Kali có thể di chuyển từ lá già sang lá non, do đó triệu chứng thiếu kali biểu hiện đầu tiên trên lá già sau đó mới chuyển sang lá non. Triệu chứng vàng tái xuất hiện trên lá già sau đó chuyển qua hai búp mép của lá ngô. Trong trường hợp bị thiếu kali nặng, các sọc màu đỏ thường xuất hiện phần thân dưới và trên bẹ lá ngô. Bón phân chứa quá nhiều canxi hoặc magie có thể làm cho cây thiếu kali.

Bón phân kali clorua để khắc phục thiếu kali, trong trường hợp cây ngô bị thiếu kali nặng nên sử dụng kali ni trát (KNO_3) hoặc kali sun phát (K_2SO_4) để hòa nước tưới hoặc phun lên lá.

Triệu chứng thiếu canxi (Ca)

Thiếu canxi có thể làm thiệt hại toàn bộ cây ngô, cây thiếu canxi thường bị ức chế

sinh trưởng và lá bị biến dạng. Nếu thiếu nhẹ kích thước bắp nhỏ, hạt ít còn nếu thiếu nặng cây có thể ngừng sinh trưởng và chết trước khi già. Thiếu canxi thường biểu hiện đầu tiên trên lá ngô non, trên lá xuất hiện các vết màu trắng hoặc vàng giữa gân lá non. Đối với cây ngô thiếu canxi lá non không thể bung ra khỏi ngọn, và có hình dạng cong hoặc méo mó.

Khắc phục tình trạng thiếu Canxi: Dựa trên độ pH của đất có thể bón vôi ($CaCO_3$) và Dolomite bón lót trước khi trồng để khắc phục hiện tượng thiếu canxi. Đối với, cây biểu hiện thiếu canxi nặng có thể dùng $Ca(NO_3)_2$ và $CaSO_4$ hòa tan với nước nồng độ 2% để tưới hoặc phun lên lá.

Triệu chứng thiếu magie (Mg)

Thiếu magie làm cho cây ngô bị ức chế sinh trưởng, cây ốm yếu và lá chuyển thành

màu xanh tái với vết rỉ sắt ở lá gần gốc. Đối với cây ngô thiếu magie có thể làm giảm năng suất, do làm cho bắp và hạt nhỏ. Triệu chứng thiếu magie thường biểu hiện thành các sọc dài nằm giữa các gân, kéo dài từ ngọn đến cuốn lá, biểu hiện mặt trên của lá và tạo thành các sọc màu nâu rỉ sắt xuất hiện trên lá già.

Đối với đất bị phèn hoặc chua sử dụng vôi (CaCO_3) và Đolomite để bón khắc phục hiện tượng thiếu magie, trong một số trường hợp có thể sử dụng MgNO_3 hoặc MgSO_4 hòa nước để tưới gốc hoặc phun lên lá.

Triệu chứng thiếu lưu huỳnh (S)

Triệu chứng điển hình thiếu lưu huỳnh trên ngô thường cây sinh trưởng kém với lá có màu vàng hoặc màu xanh tái, cây thiếu sức sống và bắp nhỏ với hiện tượng hạt răng cưa kết quả năng suất ngô rất thấp. Đối với cây ngô, cây đòi hỏi 15 phần đạm thì phải cần 1 phần lưu huỳnh. Triệu chứng vàng lá thiếu lưu huỳnh tương tự giống hiện tượng thiếu đạm, tuy nhiên khi thiếu lưu huỳnh thường vàng cả cây và triệu chứng biểu hiện đầu tiên và nghiêm trọng trên lá non sau đó mới lan ra các lá khác. Trong một số trường hợp, màu nâu đỏ cũng có thể xuất hiện trên lá non và đan xen với màu vàng của lá.

Dùng CaSO_4 trộn với phân bón để khắc phục hiện tượng thiếu lưu huỳnh, cũng có thể sử dụng phân bón như $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, K_2SO_4 để hòa tan phun hoặc tưới cho ngô khi thiếu lưu huỳnh nặng.

Triệu chứng thiếu sắt (Fe)

Cây ngô thiếu sắt thường biểu hiện lá màu vàng, cây bị ức chế sinh trưởng và số lượng bắp ngô tạo ra ít hơn. Triệu chứng thiếu sắt thường xuất hiện trên lá non, trong một số trường hợp thiếu sắt nặng mới xuất hiện trên lá già. Lá non nhất trên ngô thường biểu hiện triệu chứng đầu tiên, trên lá xuất hiện các sọc

màu vàng hoặc màu xanh tái chạy từ ngọn lá đến cuốn lá, các sọc này nằm giữa các gân lá và chạy song song gân lá.

Khi cây ngô thiếu sắt sử dụng sắt chelate (FeDTPA và FeDDHA) hòa tan nước nồng độ 0.5-1% phun lên lá, phun 2-3 lần, 15-30 ngày phun một lần.

Triệu chứng thiếu mangan (Mn)

Cây ngô thiếu mangan thường có thân ngắn, lá có màu xanh tái hoặc màu vàng. Trái ngô thường kích thước nhỏ và hạt ít dẫn đến năng suất thấp. Triệu chứng thiếu mangan thường xuất hiện ở lá giữa, sau đó lan lên lá non và lá già. Triệu chứng thiếu mangan giống như triệu chứng thiếu sắt, tuy nhiên mức độ sọc vàng lá trên cây thiếu mangan hơn so với cây thiếu sắt.

Khi cây thiếu mangan sử dụng MnSO_4 trộn với phân NPK để bón, có thể dùng MnSO_4 pha nồng độ 0,3% để phun lên lá ngô.

Triệu chứng thiếu kẽm (Zn)

Cây thiếu kẽm đốt thường ngắn lại, làm cho lá giữa các đốt mọc sát lại nhau từ đó nhìn cây ngô giống có hình dạng giống như một chiếc quạt hoặc cái chổi. Triệu chứng thiếu kẽm thường xuất hiện trên lá non, lá già ít bị chịu tác động và vẫn giữ nguyên màu xanh. Các sọc màu vàng hoặc màu trắng có kích thước lớn thường chạy dọc theo gân lá, kéo dài từ ngọn lá đến cuốn lá.

Khắc phục tình trạng thiếu kẽm: sử dụng ZnSO_4 trộn với phân NPK bón cho ngô hoặc có thể dùng chelate kẽm hoặc kẽm sun phát (ZnSO_4) nồng độ 0,25% để phun lên lá ngô.

Triệu chứng thiếu Bo (B)

Cây ngô thiếu Bo thường bị ức chế sinh trưởng, cây lùn và thân cứng, lá chuyển thành màu xanh tái. Trái có kích thước nhỏ, trong đó cùi nhỏ và xuất hiện hiện tượng răng cưa, đôi khi trên trái chỉ có một vài hạt. Thiếu Bo

thường xuất hiện trên lá trên lá non, trong khi lá già vẫn bình thường. Lá mới ra đã biểu hiện triệu chứng thiếu, lá mất độ cứng làm cho mép lá cong lại, đôi lúc trên lá nổi các sọc hạt chạy dọc lá.

Để khắc phục tình trạng thiếu Bo: Ta có

thể sử dụng các loại hóa chất như axit boric, bo rất hoặc chelate bo để trộn với phân NPK bón cho cây ngô, hoặc có thể hóa với nước phun lên lá.

Gia Bảo (Sưu tầm và biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN

KỸ THUẬT NUÔI NGỰA BẠCH

Ngựa Bạch có đặc điểm toàn thân ngựa có lông màu trắng, da trắng hồng, viền mắt màu hồng, con ngươi màu đỏ hồng. Nếu soi đèn vào mắt ngựa ban đêm có màu đỏ rực. Mũi, miệng và bộ phận sinh dục của ngựa có màu hồng đỏ, bộ móng màu trắng ngà. Ngựa Bạch là giống ngựa quý hiếm, thịt Ngựa Bạch có giá trị dinh dưỡng rất cao, xương dẹt nẫu cao để bồi bổ sức khỏe. Nếu giá của một con ngựa bình thường giao động từ 20 - 25 triệu đồng, thì đôi với một con Ngựa Bạch trưởng thành có thể bán ra thị trường với giá khoảng 50 - 70 triệu đồng. Đây là một trong những hướng thoát nghèo rất có hiệu quả cho người dân phát triển chăn nuôi Ngựa Bạch, nhằm góp phần tăng tổng đàn gia súc, từng bước giúp bà con nông dân xoá đói, giảm nghèo một cách hiệu quả và bền vững. Sau đây là hướng dẫn kỹ thuật nuôi giúp bà con chăm sóc, nuôi dưỡng ngựa thật hợp lý và khoa học để tăng nhanh số lượng và chất lượng đàn ngựa phục vụ cho đời sống sản xuất của mình.

1. Thiết kế chuồng nuôi

Bà con nên thiết kế chuồng 2 mái để tạo sự thông thoáng và tránh để mưa hắt vào. Chuồng nuôi ngựa có thể được xây bằng gạch hoặc tận dụng các vật liệu có sẵn khác như



Mô hình trang trại nuôi ngựa bạch

Ảnh: Trần Thơm

tre, gỗ, nứa. Trong chuồng có thiết kế cửa sổ, cách nền chuồng 1,5 – 1,8m.

Nền chuồng nên lát bằng gạch để bảo vệ tốt móng ngựa, không nên để nền đất trần dễ làm hỏng móng. Chuồng ngựa cần có độ dốc, có rãnh thoát nước trong chuồng để thuận tiện cho việc vệ sinh, độ dốc của nền chuồng là 1 - 2% so với rãnh thoát nước trong chuồng.

Mặt trước của chuồng và các mặt bên của chuồng, thiết kết 2 - 3 toang để thuận lợi cho việc chăm sóc ngựa. Mỗi toang cách nhau 40 - 45 cm.

Nếu chuồng nuôi ngựa sinh sản thì cần đóng thêm những tấm phen nhỏ để ngựa con không chui ra ngoài được.

Trong chuồng, cần có máng ăn, máng uống cho ngựa. Máng ăn, máng uống cao khoảng 1 mét, để cho ngựa ăn uống thuận lợi. Cần đảm bảo mật độ ngựa trong chuồng ở mức vừa phải. Với ngựa sau cai sữa từ 6 - 12 tháng, mật độ trung bình từ 1,5 – 2m² /con. Với ngựa trên 1 năm tuổi, mật độ trung bình từ 5 – 6 m²/con. Ngựa mang thai hay ngựa mẹ đang nuôi con cần nhốt trong chuồng riêng.

Nên thiết kế thêm sân chơi liền chuồng cho ngựa, có thành cao 1,2 - 1,5 m. Mật độ trung bình 2 m/con đối với một sân chơi.

2. Chọn giống ngựa

Dựa vào lý lịch, phả hệ: chọn ngựa có bố mẹ khỏe mạnh, khả năng sinh sản, làm việc tốt.

Dựa vào đặc điểm ngoại hình: khỏe mạnh, cân đối, không bị dị tật. Mắt to tròn, tinh nhanh; tai ve vẩy, linh hoạt; cổ chân thẳng, móng tròn; màu lông đồng nhất; bộ phận sinh dục bình thường

Thời gian chọn giống cần tiến hành là từ giai đoạn 6 tháng tuổi.

3. Thức ăn cho ngựa

Thông thường, hàng ngày ngựa được chăn thả và có thể tự kiếm khoảng 40% lượng thức ăn cần thiết. Khi ngựa ở tại chuồng, cần bổ sung một lượng thức ăn tương đương với 60% nhu cầu của chúng, bao gồm cả thức ăn thô và thức ăn tinh.

- Thức ăn thô bao gồm cỏ, thân cây ngô, lá lạc, dây lang, rau... Vào mùa đông, thức ăn thô tươi khan hiếm, có thể chuẩn bị rơm khô để làm thức ăn thô khô cho ngựa. Cần lưu ý cho ngựa ăn phối hợp các loại cỏ chứ không nên chỉ sử dụng một loại cỏ, dùng nhiều cỏ chứa nhiều nước ngựa sẽ đau bụng. Khi cho ăn thức ăn thô khô thì tỉ lệ thay thế 1 thô khô

bằng 3 thô tươi.

- Ngoài thức ăn thô, cũng cần bổ sung thêm thức ăn tinh cho ngựa như cám hỗn hợp, cám gạo hay các loại củ tươi như ngô, khoai, sắn... Đây là nguồn thức ăn quan trọng giúp cung cấp dinh dưỡng để ngựa phát triển tốt hơn.

- Đối với sắn, chỉ dùng làm thức ăn cho ngựa vào mùa đông, khi cây đã rụng hết lá vì lúc này lượng nhựa đã giảm, tránh gây ngộ độc cho ngựa. Trước khi cho ngựa ăn, cần gọt vỏ, cắt nhỏ, ngâm trong nước 30 phút. Đối với cám, cần trộn nước để ngựa không bị sặc.

- Đối với ngựa con được 3 tháng tuổi, bắt đầu cho ngựa con tập ăn cám tổng hợp, cỏ non, người nuôi cần cho thức ăn vào máng ăn nhỏ trong chuồng ngựa con và cho ăn tự do.

- Với ngựa sau cai sữa từ 6 tháng đến 1 năm cho ăn thức ăn thô bằng 15 - 20% trọng lượng cơ thể và bổ sung 1 kg thức ăn tinh/ngày.

- Với ngựa trên 1 năm, cho ăn thức ăn thô bằng 12 - 15% trọng lượng cơ thể và bổ sung 1,5 kg thức ăn tinh/ngày.

- Với ngựa chữa và nuôi con cần tăng lượng thức ăn tinh lên khoảng 2 kg/ con/ngày.

Nên chia thức ăn ra cho ngựa ăn làm 2 bữa sáng và tối. Ngoài ra thì bà con cần cho ngựa uống nước tự do và bổ sung khoáng chất. Bà con có thể dùng bánh khoáng chuyên dành cho chăn nuôi ngựa, phù hợp với từng giai đoạn của ngựa. Dùng dây luồn bánh khoáng và treo trong chuồng, để cho ngựa liếm tự do.

4. Chăm sóc ngựa

- Việc tắm chải giúp ngựa tăng cường sự tuần hoàn và trao đổi chất, sinh trưởng tốt. Ngoài ra, tắm chải còn giúp ngựa phòng tránh được các ký sinh trùng ngoài da như rận, ghẻ. Vào mùa nóng ngựa cần được tắm chải thường xuyên, còn vào mùa lạnh chỉ

nên chải lông cho ngựa. Khi chải lông cần chải theo chiều của lông từ trên xuống dưới.

- Thực hiện cắt bờm, đuôi ngựa, trong quá trình chăm sóc, cần chú ý xem bờm và đuôi ngựa đã quá dài hay chưa để cắt sửa kịp thời, tránh tình trạng bờm bị vón, chạm và mắt làm đau mắt hay đuôi ngựa quá dài dễ bị bẩn.

Cách cắt bờm là phía trước cắt trên mắt, phía sau cắt ngắn còn 2-3 cm. Cách cắt đuôi ngựa thì cần hết sức cẩn thận, phải đứng ngang bên hông, không được đứng phía sau, ước khoảng ngang kheo để cắt đuôi cho ngựa.

Ngoài thời gian thả ngựa cần cho ngựa vận động thêm 1 lần/ngày. Buộc dây cho ngựa cố định tại một chỗ, cho ngựa chạy vòng tròn, lấy điểm buộc dây làm tâm. Chế độ tập luyện vừa đủ này sẽ giúp ngựa nâng cao sức khỏe, sinh trưởng phát triển tốt hơn.

5. Phòng bệnh cho ngựa

Để phòng bệnh cho ngựa, cần làm tốt khâu vệ sinh chuồng trại: tiến hành quét vôi 2 lần/ năm hoặc phun thuốc sát trùng Crizin

2% một năm 3 lần.

Các bệnh thường gặp ở ngựa là bệnh ký sinh trùng đường máu, bệnh ký sinh trùng đường tiêu hóa.

- Phòng bệnh ký sinh trùng đường máu: Dùng Azidin, pha dung dịch 7 %, tiêm 1 năm 2 lần.

- Phòng bệnh ký sinh đường tiêu hóa:

+ Đối với ngựa con: khi ngựa 21 ngày, tiêm phòng lần 1; khi ngựa 90 ngày, tiêm lặp lại. Dùng Levamixon 7%, 1ml/ 15kg thể trọng, tiêm bắp.

+ Đối với ngựa trưởng thành, cũng dùng levamixon 7% hoặc Hemectin để tiêm phòng bệnh, định kỳ 1 năm 2 lần.

Phòng bệnh định kỳ là một khâu rất quan trọng trong quy trình chăn nuôi. Phòng bệnh tốt không những giúp ngựa phát triển tốt mà còn giúp người chăn nuôi giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả kinh tế.

Trần Thơm (Sưu tầm và biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN

CÁCH PHÒNG CHỐNG DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Trước nguy cơ dịch tả lợn châu Phi (DTLCP) bùng phát và lây lan nhanh tại các địa phương trên cả nước. Các Bộ, ban, ngành đều vào cuộc mạnh mẽ nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, ổn định tâm lý người dân, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến quá trình xuất khẩu thịt lợn khi dịch bệnh đi qua. Ngày 12 tháng 6 năm 2020 UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành công văn số 1709/UBND-KTN yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, điều hành triển khai đồng bộ các giải

pháp phòng, chống bện DTLCP với phương châm “chống dịch như chống giặc” phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác phòng chống, không chế dịch bệnh.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ đầu năm 2020 đến nay, bệnh DTLCP đã tái phát tại 155 xã của 20 tỉnh, thành phố buộc thiêu hủy gần 4.000 con lợn. Trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 02/6/2020 đến ngày 08/6/2020 bệnh DTLCP đã tái phát tại 06 hộ chăn nuôi thuộc 03 thôn, bản của 03 xã gồm: xã Thanh Xương, xã Pòm Lót thuộc huyện Điện Biên

và xã Mường Mươn, huyện Mường Chà; tổng số lợn mắc bệnh, tiêu hủy 29 con, trọng lượng 760 kg. Do tập quán chăn nuôi lợn nhỏ lẻ (chiếm đến 95%) khó áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; giá thịt lợn, lợn giống đang ở mức cao nên khi lợn có biểu hiện mắc bệnh, nghi mắc bệnh, người dân không báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan thú y mà tự điều trị, thậm chí bán chạy để tránh thiệt hại; việc nuôi tái đàn và nhu cầu tiêu thụ thịt lợn làm gia tăng việc vận chuyển, giết mổ lợn trong khi bệnh chưa có vắc xin phòng bệnh, thuốc điều trị đặc hiệu, virus có sức đề kháng cao trong môi trường; lợn khỏi bệnh có khả năng mang virus trong thời gian dài, do vậy khó loại trừ được triệt để mầm bệnh.

Vì vậy để ngăn chặn bệnh DTLCP xâm nhiễm vào địa bàn cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

Khi chưa có bệnh

Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi là giải pháp phòng bệnh hiệu quả nhất và quan trọng nhất; thường xuyên vệ sinh, sát trùng, tiêu độc tại các cơ sở, vùng chăn nuôi lợn, các phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi, các chợ, điểm buôn bán, giết mổ lợn và các sản phẩm của lợn bằng vôi bột hoặc hóa chất và vệ sinh cá nhân những người tham gia chăn nuôi; hằng ngày thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc sau mỗi buổi họp chợ, mỗi ca giết mổ lợn.

Nghiêm cấm mọi hình thức vận chuyển, buôn bán, giết mổ, tiêu thụ lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc, kể cả hình thức cho, tặng của các tổ chức, cá nhân và cư dân khu vực biên giới; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường



Đàn lợn gia đình Lương Văn Thuận xã Na Son, huyện Điện Biên Đông

Ảnh: Thanh Bình

hợp vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật từ nước ngoài vào Việt Nam.

Tăng cường theo dõi, giám sát lâm sàng đối với các đàn lợn; kịp thời phát hiện, cách ly và lấy mẫu xét nghiệm đối với lợn bị bệnh, nghi bị bệnh.

Tuân thủ các quy định về quản lý, vận chuyển, kiểm dịch vận chuyển buôn bán lợn và các sản phẩm của lợn.

Đối với cơ sở giết mổ, chế biến lợn thịt khi lợn được đưa vào giết mổ phải có nguồn gốc rõ ràng, nghiêm cấm không được giết mổ lợn khi nghi ngờ lợn có biểu hiện bị bệnh phải dừng ngay việc giết mổ thông tin cho cơ quan chuyên môn biết để kiểm tra xác minh và có biện pháp xử lý kịp thời.

Khi có bệnh xuất hiện

Thông tin kịp thời cho nhân viên thú y xã phường, chính quyền và cơ quan thú y nơi gần nhất bất cứ khi nào phát hiện lợn, các sản phẩm lợn nghi bị bệnh, nghi nhiễm mầm bệnh hoặc khi được vận chuyển nhập lậu, nghi nhập lậu.

Tiêu hủy đàn lợn nhiễm bệnh và các đàn

lợn xung quanh có nguy cơ nhiễm bệnh theo hướng dẫn của cơ quan Thú y.

Khoanh vùng dịch, vùng đệm để áp dụng các giải pháp kỹ thuật cụ thể và phù hợp cho từng vùng.

Không điều trị lợn bệnh, nghi mắc bệnh DTLCF.

Chính quyền và các cơ quan chuyên môn cần tổ chức thực hiện ngay các biện pháp xử

lý ổ dịch, các biện pháp phòng, chống theo đúng quy định của Luật thú y và các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật; đặc biệt phải dừng việc vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn, kể cả sản phẩm đã qua chế biến chín từ nơi đã có lợn, sản phẩm lợn được xác định dương tính với bệnh DTLCF.

Thanh Bình (Tổng hợp)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KH-CN

ĐIỆN BIÊN NĂNG SUẤT LÚA ĐÔNG XUÂN 57,85 TẠ/HA

Ngày 29/5/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên đã tổ chức Hội nghị sơ kết ngành nông nghiệp vụ lúa đông xuân 2019 - 2020. Đến dự hội nghị có đồng chí Lò Văn Tiên – Phó chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên; lãnh đạo phụ trách nông nghiệp của 10 huyện thị, thành phố; các phòng ban chuyên môn của Sở.

Vụ đông xuân 2019 - 2020, toàn tỉnh gieo cấy 9.585,63 ha đạt 98,31% kế hoạch, giảm 88,27 ha so với vụ đông xuân năm trước; cơ cấu giống chủ yếu là lúa Bắc thơm số 7, IR 64, Ség cù, Nghi hương 2308, Nhị ưu 838 (trong đó lúa thuần chiếm 99,47% tổng diện tích). Trong đó có hơn 700ha bị mất trắng do thiên tai. Năng suất lúa đông xuân ước đạt 57,85 tạ/ha (giảm 1,11 tạ/ha so với năm trước); sản lượng ước đạt trên 51.000 tấn, đạt 88,43% kế hoạch, giảm hơn 5.000 tấn.

Trong vụ lúa đông xuân 2019 - 2020, diện tích cánh đồng 1 giống và sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh được mở rộng với diện tích 268 ha; dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm quy mô 123,7 ha; mô hình cây lúa bằng dụng cụ hỗ trợ cây và máy cấy gần



Nông dân đội 6, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên thu hoạch lúa vụ đông xuân 2019 - 2020

Ảnh: Khắc Tân

động cơ thực hiện tại huyện Điện Biên và Tủa Chùa với diện tích 85ha.

Trao đổi chúng tôi về công tác triển khai cơ cấu bộ giống trên địa bàn huyện: ông Ngô Xuân Chinh, Phó chủ tịch huyện Điện Biên cho biết “Thực tế trong những năm qua, trên địa bàn huyện Điện Biên cơ cấu bộ giống trong một mùa vụ còn khá bất cập, trong đó nhiều loại giống được sử dụng liên tục trong nhiều năm đã có dấu hiệu bị thoái hóa, dễ bị sâu bệnh gây hại. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ

đến năng suất và sản lượng lúa. Trước những bất cập đó, các phòng ban chuyên môn huyện Điện Biên đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan khảo nghiệm, thử nghiệm đưa các giống lúa mới vào sản xuất, thay thế dần những giống lúa cũ, kém năng suất, giá trị thấp. Qua khảo sát, đánh giá những giống lúa này khá phù hợp với đất và điều kiện khí hậu của vùng. Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn huyện đã có nhiều giống lúa mới được khảo nghiệm, đưa vào gieo cấy và được người dân tin tưởng sử dụng, như: Sóng cù, HaNa 112, Đông A1, ADI 168, ADI 28, Dự Hương, Phúc Thái 168... Qua đánh giá, các giống lúa mới này đều cho năng suất, sản lượng và giá trị kinh tế cao. Với những kết quả ban đầu, trong thời gian tới huyện Điện Biên sẽ tiếp tục đánh giá, khảo nghiệm để đổi mới cơ cấu bộ giống nhằm tăng năng suất và chất lượng lúa trên địa bàn”.

Để triển khai lúa vụ mùa 2020 trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, đồng chí Lò Văn Tiến – Phó chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ ra hạn chế và giải pháp khắc phục: hiện tượng lúa lẫn tạp khá phổ biến dẫn đến ảnh hưởng đến năng suất chất lượng đối với sản phẩm gạo chất lượng, qui trình kỹ thuật sử dụng

nhiều phân vô cơ ít sử dụng phân hữu cơ, sử dụng nhiều thuốc BVTV chưa tuân thủ chặt chẽ qui trình dẫn đến canh tác có nguy cơ thoái hóa, phẩm chất gạo giảm, phức tạp giống chưa thực hiện bài bản có hệ thống ngay tại vùng sản xuất. Vì vậy cần có giải pháp như tập trung chỉ đạo sản xuất dồn thửa có qui mô lớn hơn để thuận tiện trong việc thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học về sản xuất, cơ giới hóa đồng ruộng; sử dụng biện pháp cấy, công cụ, máy cấy để giảm thiểu lẫn tạp đồng ruộng. Khuyến cáo nông dân sử dụng phân hữu cơ vi sinh cải tạo đồng ruộng, tăng cường biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, SRI hạn chế tối đa lượng thuốc cỏ, thuốc BVTV xuống cánh đồng đảm bảo môi trường sinh thái đất nước gắn với du lịch. Gắn kế hoạch gieo cấy vụ mùa với vụ đông; nghiêm túc tuân thủ lịch thời vụ, quản lý chặt chẽ cơ cấu giống, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để có biện pháp xử lý, chỉ đạo phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại cho người dân.

Khắc Tân

Trung tâm Khuyến nông – giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Ưng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đã góp phần quan trọng nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thêm nhiều cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư của Việt Nam và các địa phương, trong đó có Điện Biên.

Thực hiện Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ Công nghệ thông

tin: hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến. Với mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Ngày 18/9/2019, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Điện Biên đã được vận hành chính thức tại địa chỉ <https://dichvucong.dienbien.gov.vn> để cung cấp các thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đặc biệt là cung cấp các dịch vụ công trực



Lễ ký kết hợp tác ứng dụng Zalo nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Ảnh: Trọng Chiến

tuyến mức độ 3, 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đến nay, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã cung cấp tổng cộng 236 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 325 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (trong đó cấp Sở, ngành cung cấp 496 dịch vụ, cấp huyện là 61 dịch vụ và 04 dịch vụ công trực tuyến cấp xã). Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 chiếm tỷ lệ khoảng hơn 30% tổng số thủ tục hành chính của tỉnh. Một số ngành có tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cao như: Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông...

Để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; tích hợp, cung cấp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia). Ngày 15/5/2020, UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND Về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện trong năm 2020.

Việc triển khai thực hiện đầu tư Hệ thống cung cấp Dịch vụ hành chính công trực tuyến đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Thống kê trên Cổng dịch vụ công trực tuyến (từ 01/01/2020 đến 31/5/2020) tổng số hồ sơ tiếp nhận của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh: 19.568 hồ sơ.

Tổng số hồ sơ đã được xử lý: 17.025 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý đúng hạn đạt: 80.06% hồ sơ. Đối với cấp tỉnh: 14/18 sở, ban, ngành tỉnh phát sinh hồ sơ xử lý qua Cổng dịch vụ công trực tuyến. Cấp huyện: 10/10 huyện, thị xã, thành phố phát sinh hồ sơ xử lý qua Cổng dịch vụ công trực tuyến. Cấp xã: 105/129 xã, phường, thị trấn phát sinh hồ sơ xử lý qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3,4 còn thấp. Số lượng hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến cao mới chỉ tập trung ở một số cơ quan, đơn vị như: Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế chủ yếu là do thói quen dùng giấy tờ, tâm lý lo ngại về sự không thuận tiện, mất an toàn thông tin, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa còn rất nhiều hạn chế gây khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

Bên cạnh việc giải quyết TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến thì việc nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích cũng đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích là 2.173 hồ sơ; trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 25.511 hồ sơ.

Để tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tỷ lệ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công

trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới như sau:

Một là, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch của HĐND và UBND tỉnh về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin; tập trung vào giải pháp đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết TTHC; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Hai là, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích và sự thuận tiện của dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thông qua các hình thức tuyên truyền trực quan; thông qua các tin bài, phóng sự được đăng phát trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các biện pháp phổ biến, hướng dẫn người dân, tổ chức truy cập, nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến thay thế cho cách thức thực hiện thủ tục hành chính công truyền thống (in tờ rơi, tờ gấp; xây dựng các clip hoạt họa, các video... hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện TTHC trên môi trường mạng). Từ đó làm gia tăng mức độ tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Ba là, gắn trách nhiệm với nhiệm vụ người đứng đầu, lãnh đạo; Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện gửi và trả kết quả thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Bốn là, ban hành quy chế vận hành,

sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến và là quy chế bắt buộc các cơ quan, đơn vị phải thực hiện.

Năm là, Tổ chức đào tạo lại, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp cũng như đội ngũ cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC các cấp.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra

của UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC mức độ 3, mức độ 4 thông qua dịch vụ công trực tuyến. Thông qua kiểm tra để đánh giá đúng thực trạng, từ đó kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn triển khai thực hiện.

Trọng Chiến

Sở Thông tin và Truyền thông

XÃ KEO LÔM, HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG: HƯỚNG ĐI MỚI TRONG PHÁT TRIỂN MẠNH ĐÀN GIA SÚC

Xác định phát triển chăn nuôi đàn gia súc trên địa bàn theo hướng sản xuất hàng hóa. Thời gian qua, huyện Điện Biên Đông tích cực vận động, khuyến khích người dân phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình kinh tế trang trại, gia trại, qua đó, tốc độ tăng đàn gia súc trên địa bàn đạt kết quả tích cực. Khai thác tiềm năng kinh tế nông – lâm nghiệp, trong đó phát triển chăn nuôi là thế mạnh, cấp ủy, chính quyền xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông tích cực tuyên truyền, vận động người dân phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng hàng hóa bước đầu mang lại những tín hiệu khả quan trong công tác xóa đói giảm nghèo. Là xã thuần nông có tiềm năng, lợi thế về đất đai, đồng cỏ; sự phong phú về nông sản để chế biến thức ăn cho gia súc; nguồn lao động dồi dào; tập quán, kinh nghiệm chăn nuôi lâu đời của người nông dân, cùng với đó là sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tuyên truyền, vận động, định hướng cho nông dân phát triển chăn nuôi, nhằm tạo ra sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn xã.

Tại xã Keo Lôm đã có nhiều chương trình,



Bà con nông dân bản Sam Măn II, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông được cán bộ Khuyến nông hướng dẫn tập huấn tại chuồng trại nuôi dê

Ảnh: Hiếu Ngân

dự án phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ hỗ trợ người dân từ con giống, thức ăn đến hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, hỗ trợ thuốc, vắc xin tiêm phòng, bảo vệ đàn gia súc. “Mô hình chăn nuôi dê sinh sản” được Trung tâm

Khuyến nông - giống cây trồng vật nuôi triển khai mô hình trên địa bàn xã với qui mô 80 con, với 8 hộ tham gia, đến nay mô hình bước đầu thành công nhằm mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phù hợp để triển khai, thực hiện trên địa bàn xã.

Ông Lò Văn Kiên bản Sam Măn II, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông cho biết “Các hộ dân trong bản còn nhiều khó khăn, đời sống chủ yếu phụ thuộc vào phát triển nông nghiệp trong đó phát triển chăn nuôi gia súc là thế mạnh. Năm 2019, được sự quan tâm của chính quyền địa phương, Trung tâm Khuyến nông – giống cây trồng vật nuôi triển khai mô hình Chăn nuôi dê sinh sản với qui mô 80 con, với 8 hộ tham gia, đến nay mô hình bước đầu đã triển khai thành công. Mô hình đã cấp phát vật tư gồm 9 con dê cái và 1 con dê đực; trong đó nhà nước hỗ trợ 80% tiền giống, gia đình đối ứng 20% ngoài ra còn được cấp 36 kg thức ăn tinh cho dê đực và 18 kg/con thức ăn tinh cho dê cái, phổ biến đến từng người dân tham gia mô hình như được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi dê sinh sản, kỹ thuật xây dựng chuồng trại, đặc biệt là kỹ thuật phòng trị một số bệnh cho con dê”.

Xác định chăn nuôi là một ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, là hướng đi đúng đắn để đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập cho người dân, từng bước đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo một cách bền vững, từng bước đưa xã Keo Lôm thoát nghèo và phát triển.

Vì vậy xã Keo Lôm đã tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời triển khai nhiều chương trình dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn như: hỗ trợ trồng cỏ, con giống, hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ tiêm phun phòng. Trong những năm qua công tác chăn nuôi của xã Keo Lôm đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế huyện.

Trao đổi với chúng tôi: Ông Vàng A Bông - Phó Chủ Tịch xã Keo Lôm “Xác định chăn nuôi là một ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, là hướng đi đúng đắn để đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập cho người dân, từng bước đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo một cách bền vững, từng bước đưa xã Keo Lôm thoát nghèo và phát triển. Chúng tôi đánh giá cao những chính sách hỗ trợ cũng như công tác chuyển giao kỹ thuật của đơn vị chuyển giao là Trung tâm Khuyến nông - giống cây trồng vật nuôi đến người dân. Chính quyền xã đã lựa chọn bản, các hộ dân có diện tích đất chăn thả, chịu khó nhiệt tình. Sau thời gian triển khai mô hình hiện tại đàn dê đã tăng thêm 56 con non, và đang chữa là 66 con, mô hình đã tạo công ăn việc làm cho bà con, giúp bà con sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo đồng thời nâng cao trình độ, kinh nghiệm cho bà con trong phát triển đàn gia súc. Hiệu quả mô hình bước đầu giúp các hộ dân tăng thu nhập ổn định phát triển kinh tế, đồng thời đây là điểm học tập nhân rộng cho bà con các bản lân cận đến thăm quan học tập.”

Cùng với đó là đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân phát triển chăn nuôi tập trung, đảm bảo an toàn dịch bệnh, khuyến khích người dân chuyển diện tích đất nương kém hiệu quả, tận dụng diện tích đất chưa sử dụng ven suối, bờ ao hồ để trồng cỏ làm thức ăn cho đàn dê. Chú trọng hướng dẫn bà con kỹ thuật ủ xanh thức ăn để tận dụng nguồn phụ phẩm nông sản tại chỗ như, thân cây ngô, lạc làm thức ăn cho dê. Đồng thời, hướng dẫn hộ chăn nuôi dê làm chuồng trại hợp vệ sinh, tránh hướng gió lùa, mát về mùa hè, ấm về mùa đông...

Hiếu Ngân

Trung tâm Khuyến nông – giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên